CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Nafoods Group

Ngày 31/03/2025	20,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.0%	**1.5%**	**-2.4%**

DT thuần
Q1/25
350
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.0| 6.7%
YoY: ▲ 39.0| 12.5%

LN thuần
Q1/25
18.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.9| -43.4%
YoY: ▲ 0.80| 4.6%

LN sau thuế
Q1/25
12.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.1| -50.3%
YoY: ▼0.70| -5.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
9.0%
YoY: +/-▼ 5.0%

ROE (TTM)
Q1/25
11.7%
YoY: +/-▼ 0.2%

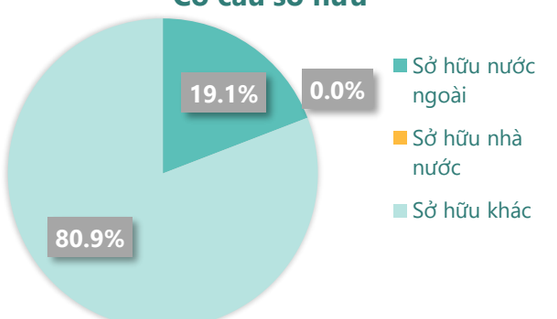
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,727 - 22,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,129
Số lượng CPLH (CP)	55,620,286
KLGD BQ 20 phiên (CP)	469,060
Sở hữu nước ngoài	19.1%
Beta	0.78
EPS	2,108
P/E	9.6

DT thuần
2024
1,437
tỷ VNĐ
YoY: ▼296| -17.1%

LN thuần
2024
129
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.00| 4.4%

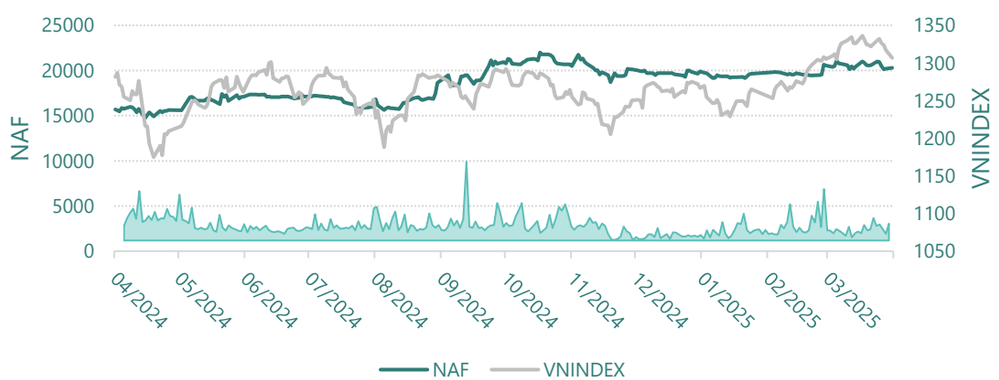
LN sau thuế
2024
116
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00| 5.9%

Cơ cấu sở hữu

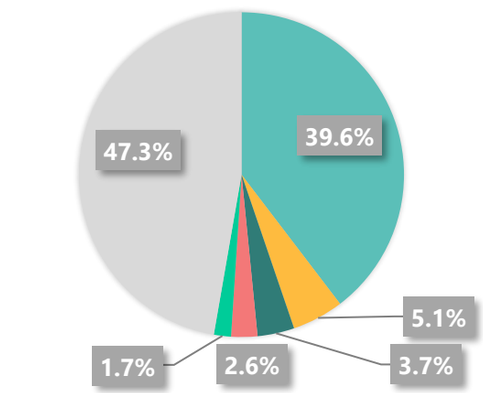


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



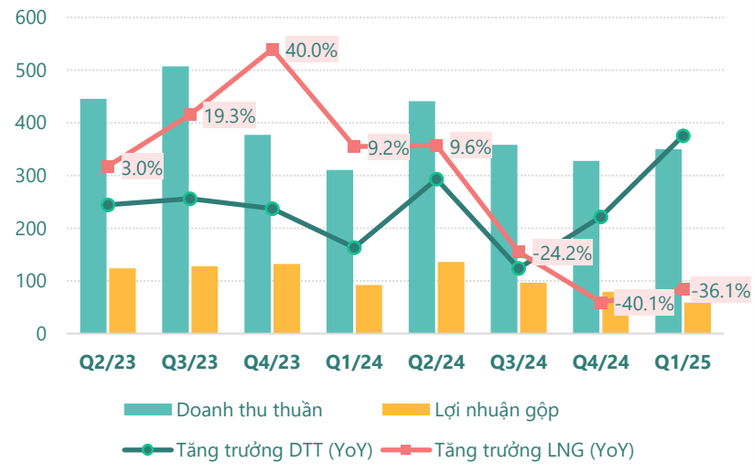
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

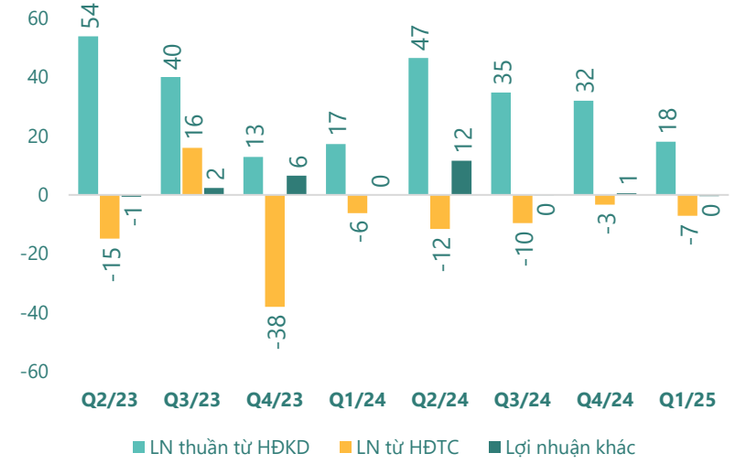
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



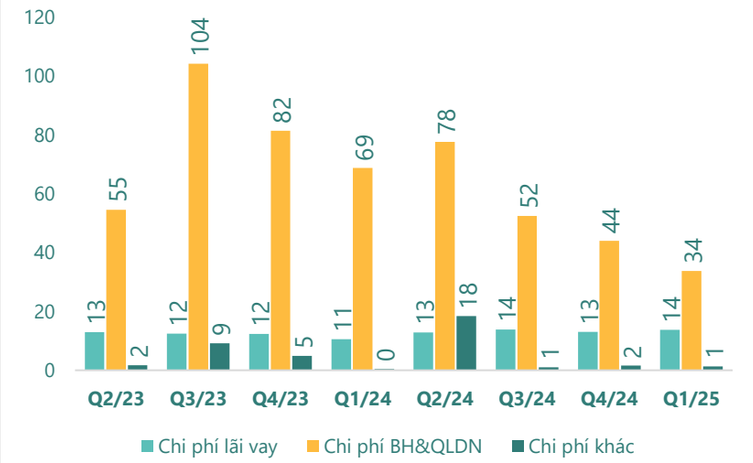
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



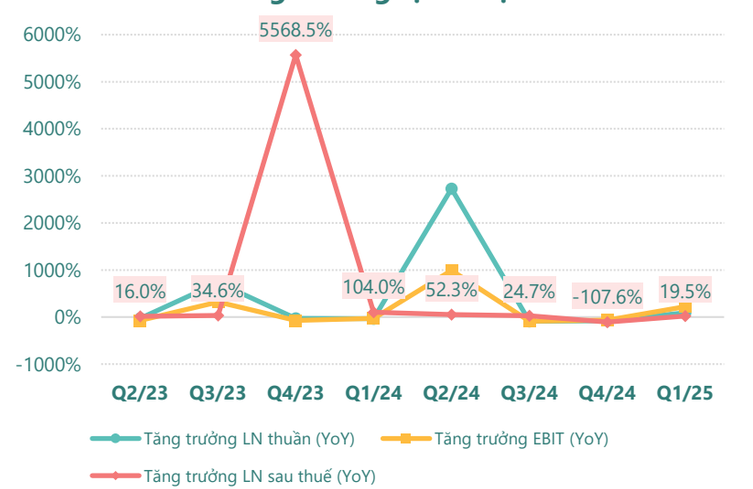
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



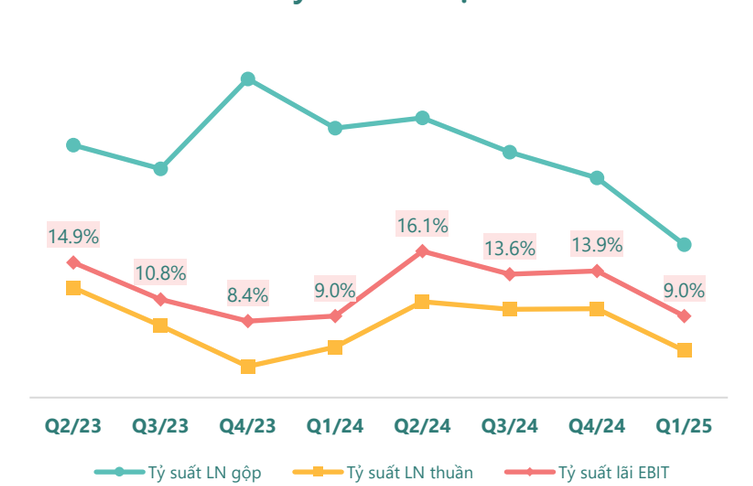
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



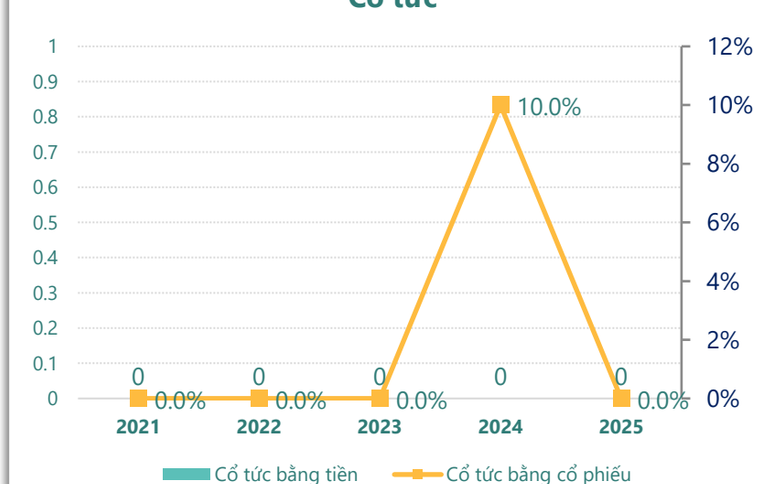
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

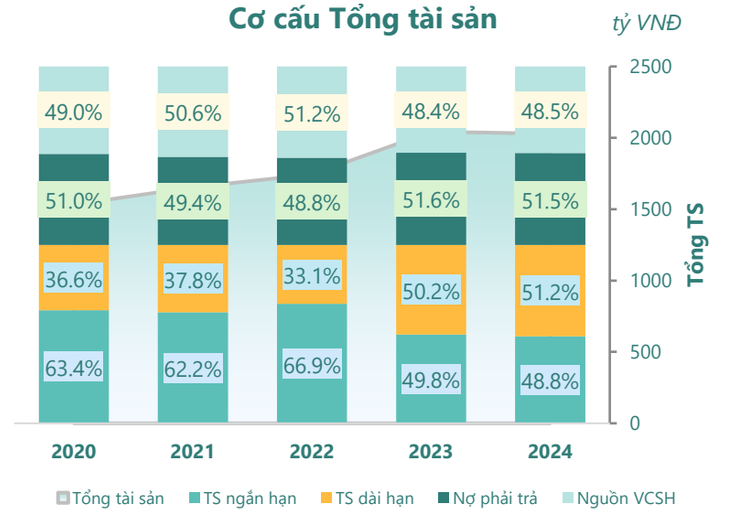
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

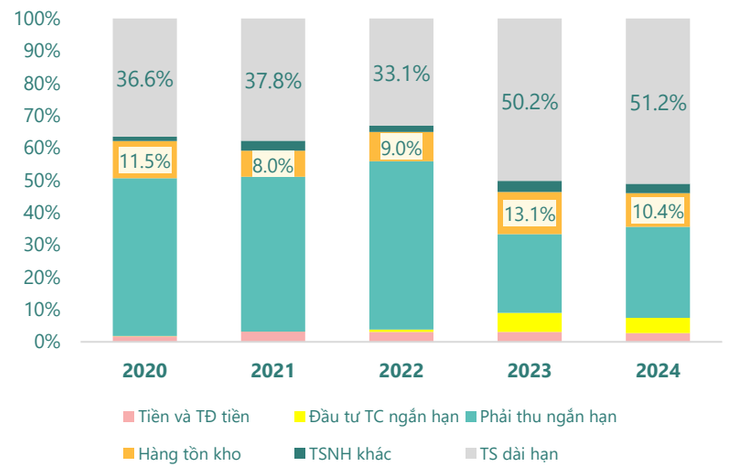
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



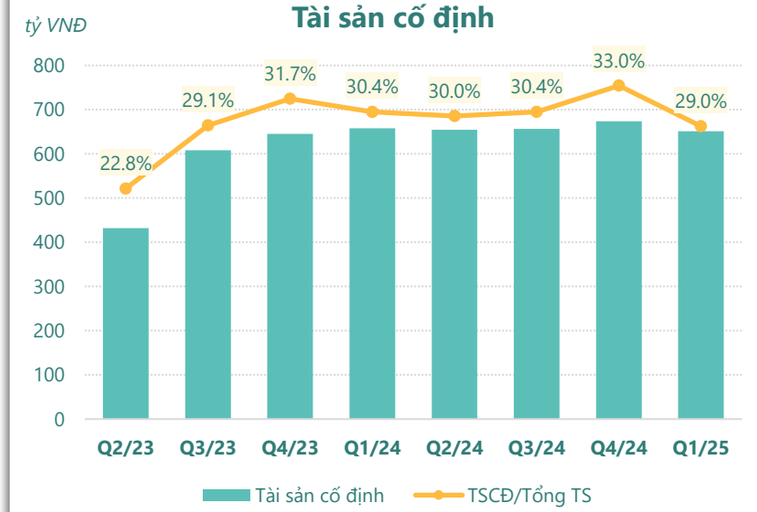
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



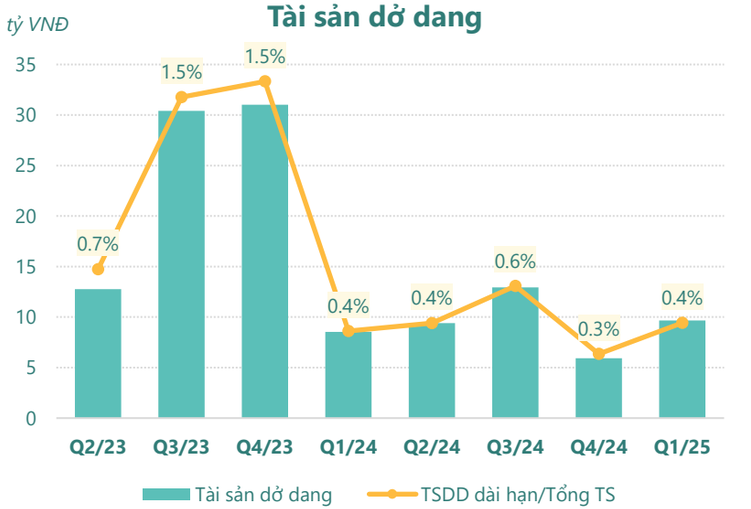
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



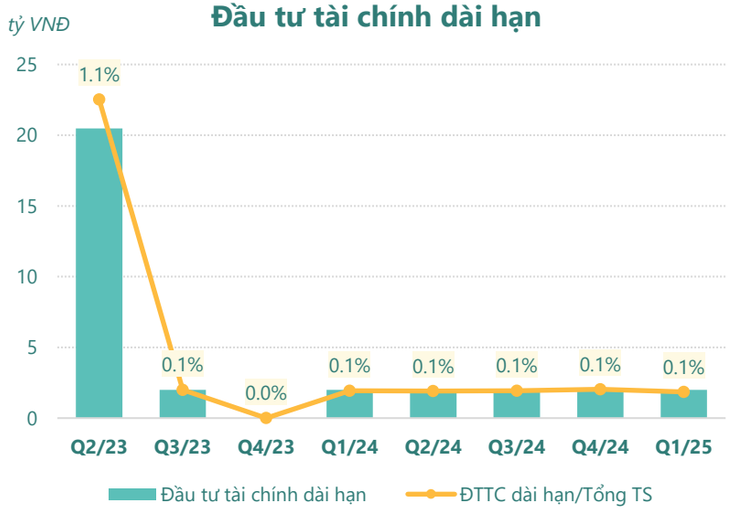
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



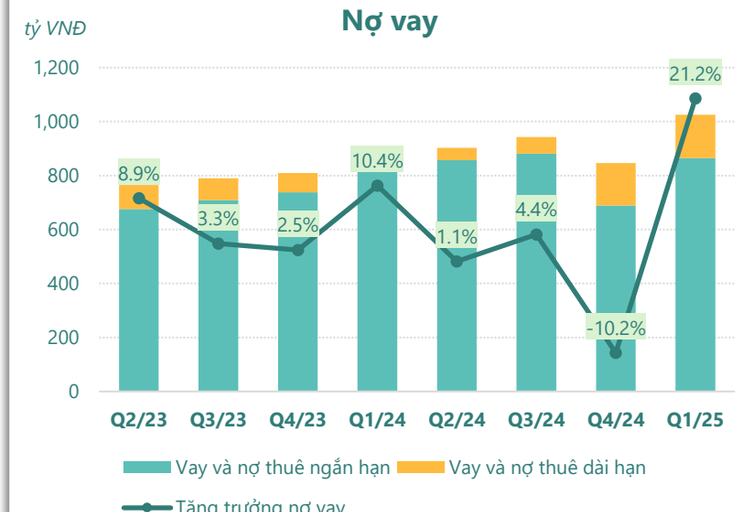
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

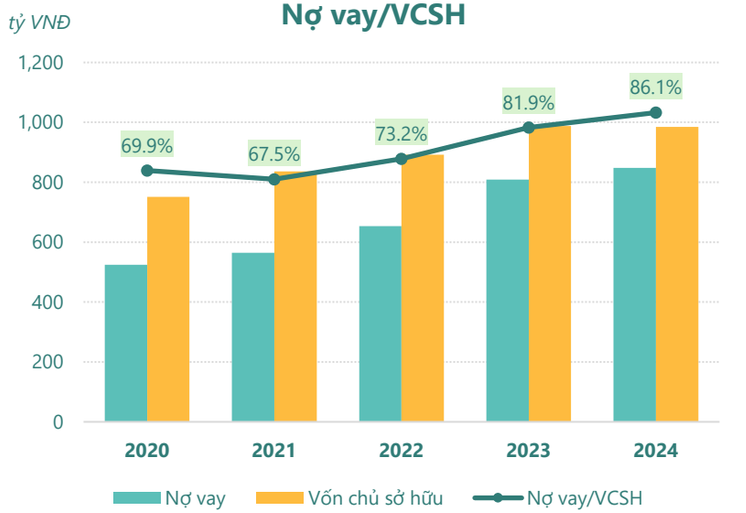
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

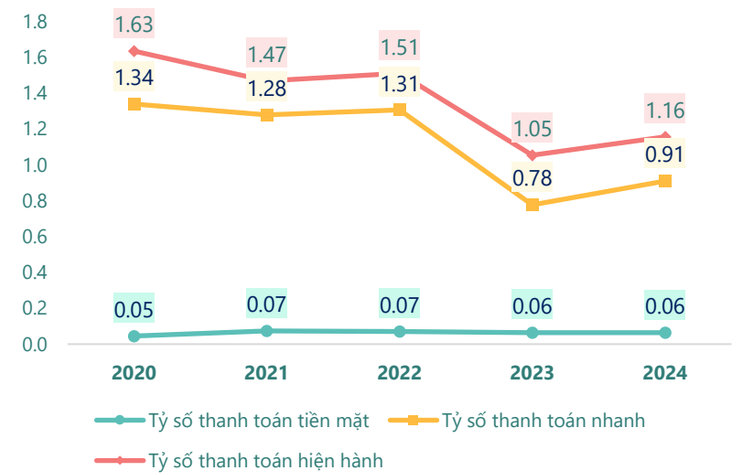
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



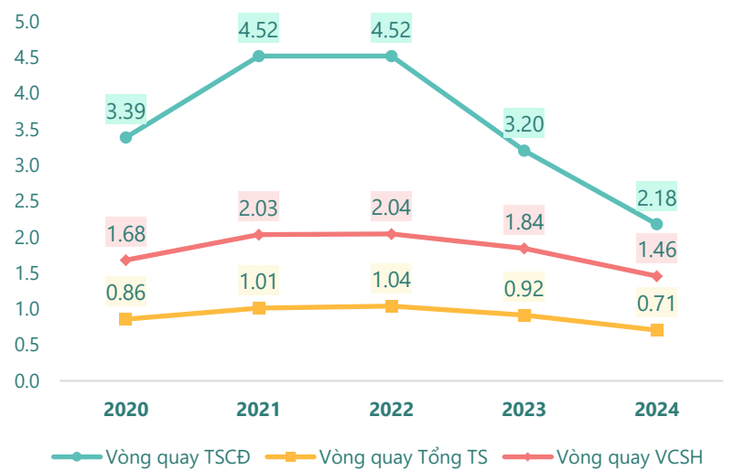
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



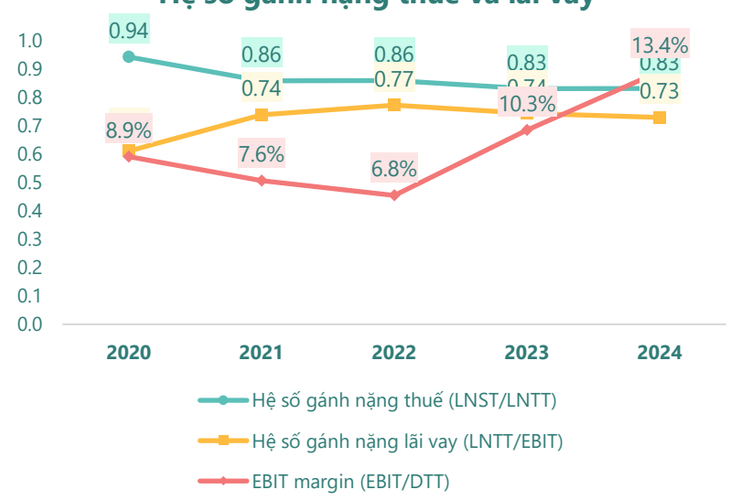
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



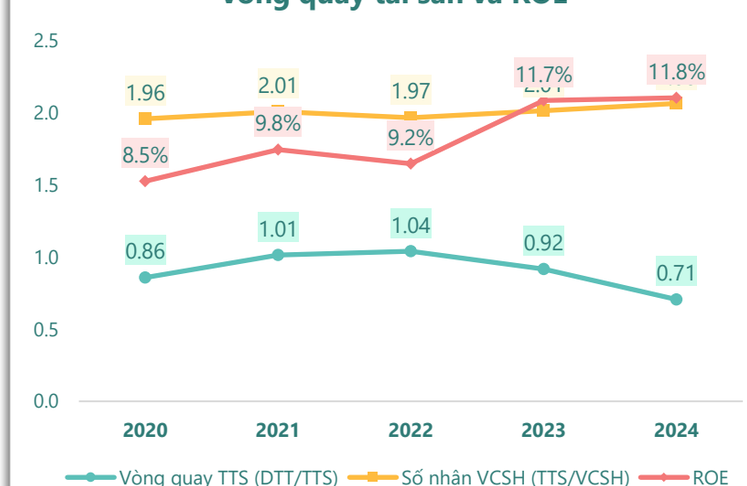
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



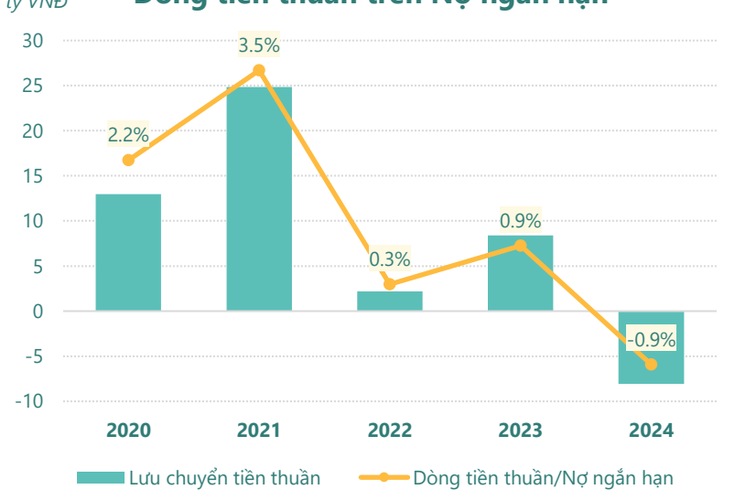
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**350**	**311**	**12.5%**	**1,437**	**1,733**	**-17.1%**
Giá vốn hàng bán	291	218	33.4%	1,031	1,264	-18.4%
Lợi nhuận gộp	59.0	92.3	-36.1%	406	470	-13.7%
Doanh thu HĐTC	8.74	5.86	49.1%	36.0	34.7	3.7%
Chi phí TC	15.8	12.0	32.1%	68.2	75.6	-9.8%
Chi phí lãi vay	13.8	10.6	29.8%	52.0	45.7	13.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	21.4	33.4	-35.9%	123	135	-9.2%
Chi phí QLDN	**12.4**	**35.4**	**-65.0%**	**122**	**170**	**-28.5%**
LN thuần từ HĐKD	18.1	17.3	4.6%	129	124	4.4%
Lợi nhuận khác	**-0.48**	**0.04**	**-1291%**	**11.1**	**8.89**	**25.0%**
LN trước thuế	17.6	17.3	1.8%	140	132	5.8%
Lợi nhuận sau thuế	**12.9**	**13.6**	**-5.0%**	**116**	**110**	**5.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.9**	**13.6**	**-5.1%**	**116**	**110**	**5.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.8	1.72	0.89	61.8	51.5	-53.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-45.4	-65.9	-39.0	-12.2	42.2	-42.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	19.6	84.5	9.50	-46.7	-96.5	91.3
Tiền đầu kỳ	77.5	62.4	82.7	54.2	57.0	54.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-15.1**	**20.3**	**-28.6**	**2.91**	**-2.71**	**-5.21**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.01	-0.03	0.04	0
Tiền cuối kỳ	62.4	82.7	54.2	57.0	54.4	49.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,248**	**2,029**	**10.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,218	991	22.9%
Tiền và tương đương tiền	49.2	54.4	-9.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	125	95.8	30.1%
Phải thu ngắn hạn	752	572	31.5%
Hàng tồn kho	216	211	2.4%
Tài sản ngắn hạn khác	76.0	58.0	31.1%
Tài sản dài hạn	**1,030**	**1,038**	**-0.8%**
Phải thu dài hạn	134	134	-0.3%
Tài sản cố định	651	655	-0.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.68	5.92	63.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**61.8**	**65.0**	**-4.8%**
Lợi thế thương mại	171	176	-2.9%
Nợ phải trả	1,251	1,044	19.8%
Nợ ngắn hạn	**1,059**	**856**	**23.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	865	692	24.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	77.0	56.2	37.0%
Nợ dài hạn	192	187	2.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	161	156	3.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**996**	**985**	**1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**996**	**985**	**1.2%**
Vốn điều lệ	653	653	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)